

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 349/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Anh Đ - Sinh năm 1981.

2. Chị Nguyễn Thị Tuyết M - Sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ngõ Q, phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 9 năm 2020, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Anh Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết M kết hôn năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm, thì đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm cách sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra to tiếng xúc phạm nhau. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công

nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết M.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Anh Đ thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Anh T- sinh ngày 15/9/2006 và cháu Lê Gia H - sinh ngày 25/10/2013.

Ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lê Anh Thư và cháu Lê Gia H, anh Lê Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/01 cháu (cụ thể: 02 cháu = 4.000.000đ/1tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2020 cho đến khi hai cháu thành niên.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh Đ và chị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận anh Đ chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết M.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Anh Đ thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Anh T- sinh ngày 15/9/2006 và cháu Lê Gia H - sinh ngày 25/10/2013.

Ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lê Anh T và cháu Lê Gia H, anh Lê Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/01 cháu (cụ thể: 02 cháu = 4.000.000đ/1tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2020 cho đến khi hai cháu thành niên.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh Đ và chị M không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Anh Đ chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số

AA/2018/0001361 ngày 12/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (anh Đ đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố T;
- UBND phường Đ, thành phố T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh